

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2022/DS-ST**
Ngày 24 - 3 - 2022
V/v Tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2021/TLST-DS ngày 06/12/2021 về việc “*Tranh chấp Hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 11/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2022/QĐST-DS ngày 03/3/2022, giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1998.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn G** và bà **Dương Hồng G1**.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2021 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 02/6/2019 âm lịch vợ chồng bị đơn có mở 01 dây hui loại 2.000.000 đồng, hui gồm có 26 chung, 01 tháng khui 01 lần, nguyên đơn tham chơi 01 chung (trong danh sách hui tên C thứ tự 26), kể từ khi khui hui nguyên đơn đóng được 22 lần tiền hui (số tiền hui từng lần đóng vào lâu quá nguyên đơn không nhớ, bình quân

dây hội này bỏ từ 600.000 đồng), từ kỳ hội thứ 23, 24, 25, 26 bị đơn không gom hội nữa. Dây hội này hiện nay đã mất, nhưng bị đơn không giao tiền hội cho nguyên đơn. Tổng số tiền hội nguyên đơn đóng vào bao nhiêu không nhớ.

Ngày 06/11/2019 âm lịch vợ chồng bị đơn có mở 01 dây hội loại 1.000.000 đồng, hội gồm có 25 chung, 01 tháng khui 01 lần, nguyên đơn tham chơi 02 chung (trong danh sách hội tên Đạt C thứ tự 06, 07), kể từ khi khui hội nguyên đơn đóng hội sống của 02 chung hội đến kỳ thứ 17 thì bỏ hội giá 510.000 đồng hốt 01 chung (hốt được số tiền hơn 21.000.000 đồng), chung hội này sau khi hốt hội nguyên đơn đã đóng lấp đuôi lại đến mất hội, còn 01 chung sống đến kỳ thứ 18 thì bị đơn ngưng hội, nhưng bị đơn không giao tiền hội cho nguyên đơn. Tổng số tiền hội nguyên đơn đóng vào bao nhiêu tôi không nhớ. Tổng số tiền hội bị đơn còn nợ nguyên đơn chưa thanh toán là 61.000.000 đồng. Việc tranh chấp hội là quyền lợi của cá nhân nguyên đơn chứ không có liên quan gì đến gia đình nguyên đơn, tên trong danh sách hội có tên Đạt là chồng nguyên đơn, nhưng thực tế tên là do chủ hội để vào danh sách hội, chứ việc chơi hội là do nguyên đơn trực tiếp tham gia chứ chồng nguyên đơn không biết.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hội 61.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- **Lời trình bày của bà Phạm Thúy D, bà Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị D tại các biên bản làm việc ngày 20/01/2022 có tại hồ sơ, thể hiện:**

Chồng bà D với bà C và ông G có mối quan hệ bà con với nhau, bà C kêu chồng bà D bằng anh, ông G là chú ruột của chồng bà D. Chồng bà T với bà C và ông G có mối quan hệ bà con với nhau, bà C kêu chồng bà T bằng chú, ông G là em ruột của chồng T. Giữa bà D với bà C và ông G có mối quan hệ bà con với nhau, bà D kêu bà C bằng chị và kêu ông G bằng bác. Bà D, bà T, bà D xác định ông G và bà G1 có mở 01 dây hội loại 1.000.000 đồng khui ngày 06/11/2019 âm lịch, hội gồm có 25 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà D tham chơi 02 chung (trong danh sách hội tên D thứ tự 14, 15), bà T tham chơi 03 chung (trong danh sách hội tên Chế T thứ tự 22, 23, 24), bà D tham chơi 01 chung (trong danh sách hội tên D Minh thứ tự 18), trong dây hội này bà D, bà T, bà D có biết bà C cùng tham gia 02 chung hội (trong danh sách hội tên C thứ tự 06, 07) và biết được kể từ khi khui hội bà C có đóng được sống đầy đủ cho ông G và bà G1 sau đó bà C hốt 01 chung vào thời gian nào không biết, còn 01 chung sống thì bà C chưa hốt đóng được 17 lần hội sống và ông G và bà G1 cũng chưa có trả tiền hội sống cho bà C (Riêng bà D biết dây hội này ông G và bà G1 còn nợ bà C, nhưng còn nợ bao nhiêu không biết). Bà T, bà D xác định ông G và bà G1 có mở 01 dây hội loại 2.000.000 đồng khui ngày 02/6/2019 âm lịch, hội gồm có 26 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà T tham chơi 01 chung (trong danh sách hội tên Chế T thứ tự 09), bà D tham gia chơi 01 chung (trong danh sách hội tên D Minh thứ tự 06), trong dây hội này bà T và bà D có biết bà C cùng tham gia 01 chung hội (trong danh sách hội tên C thứ tự 26) và biết kể từ khi khui hội bà C có đóng được sống đầy đủ cho ông G và bà G1 22 lần tiền hội (số tiền hội từng lần đóng vào không nhớ, bình

quân dây hụi này bỏ từ 600.000 đồng), từ kỳ hụi thứ 23 thì ông G và bà G1 không gom hụi nữa, dây hụi này hiện nay đã mãn về mặt thời gian, đồng thời biết được biết ông G và bà G1 không có trả tiền hụi cho bà C.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tài hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi 61.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hụi*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy các người làm chứng như bà D, bà T, bà D là các hụi viên cùng tham gia chơi hụi chung với nguyên đơn do bị đơn làm chủ điều xác định bị đơn có mở 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng khai ngày 06/11/2019 âm lịch, hụi gồm có 25 chung, 01 tháng khai 01 lần, nguyên đơn tham gia chơi 02 chung hụi (trong danh sách hụi tên C thứ tự 06, 07) và biết được bị đơn chưa có trả tiền hụi sống cho nguyên đơn 17 lần; bị đơn có mở 01 dây hụi loại 2.000.000 đồng khai ngày 02/6/2019 âm lịch, hụi gồm có 26 chung, 01 tháng khai 01 lần, nguyên đơn cùng tham gia 01 chung hụi (trong danh sách hụi tên C thứ tự 26) và biết được bị đơn chưa có trả tiền hụi sống cho nguyên đơn 22 lần. Như vậy, các người làm chứng đều có mối quan hệ bà con họ hàng với nguyên đơn và bị đơn, đồng thời những người này không có mâu thuẫn với bị đơn,

nên những lời trình bày làm chứng của những người này được xem là chứng cứ khách quan để xem xét đến nội dung tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Qua lời trình bày của những người làm chứng thì có căn cứ xác định thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn 17 lần hui X 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng (dây hui loại 1.000.000 đồng khui ngày 06/11/2019 âm lịch) và 22 lần hui X 2.000.000 đồng = 44.000.000 đồng (dây hui loại 2.000.000 đồng khui ngày 02/6/2019 âm lịch) chưa thanh toán là đúng, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ đó có căn cứ khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 61.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hui theo thỏa Tân giữa chủ hui và hui viên, đồng thời nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui 61.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả nguyên đơn số tiền hui là 61.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn G và bà Dương Hồng G1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Huỳnh Thị C số tiền **61.000.000** đồng (Sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn G và bà Dương Hồng G1 phải nộp là 3.050.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 1.525.000 đồng theo biên lai T số: 0004192 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐẤ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải